

DANH SÁCH TỔ CHỨC, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
(Cập nhật đến tháng 9/2025)

A. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Tổ chức giám định tư pháp công lập

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Điện thoại
1	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa tỉnh	Đường Hà Hoàng, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	02393.695.111
2	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Số 268 đường Nguyễn Huy Tự, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	069.2928.223

2. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Điện thoại
1	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh - Sở Xây dựng	Số 10, ngõ 178 đường Trần Phú, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	02393.890.889

B. NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

I. GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên ngành giám định	Nơi công tác	Ghi chú
I	LĨNH VỰC KỸ THUẬT HÌNH SỰ				
1	Phùng Duy Trung	1978	Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự	
2	Nguyễn Đình Anh	1984	Tài liệu, đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự	
3	Nguyễn Văn Mẫn	1978	Hóa học, cháy nổ, đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự	
4	Phan Bá Quang	1985	Kỹ thuật số - điện tử, âm thanh	Phòng Kỹ thuật hình sự	
5	Võ Văn Kỳ	1989	Tài liệu, súng đạn	Phòng Kỹ thuật hình sự	
6	Nguyễn Việt Hòa	1984	Hóa học, cháy nổ, đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự	
7	Trịnh Bá Chín	1981	Pháp y, sinh vật	Phòng Kỹ thuật hình sự	
8	Nguyễn Văn Đồng	1981	Sinh vật	Phòng Kỹ thuật hình sự	
9	Lương Ngọc Quỳnh	1991	Cơ học	Phòng Kỹ thuật hình sự	
10	Phạm Thị Liên	1992	Tài liệu, đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự	
11	Phạm Quốc Cường	1998	Cơ học	Phòng Kỹ thuật hình sự	
12	Nguyễn Hữu Đạo	1994	Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự	
13	Hồ Phúc Lập	1992	Cơ học	Phòng Kỹ thuật hình sự	
14	Nguyễn Thị Thúy An	1994	Cơ học	Phòng Kỹ thuật hình sự	
15	Bùi Văn Chung	1995	Súng đạn	Phòng Kỹ thuật hình sự	

16	Lê Minh Dũng	1997	Súng đạn	Phòng Kỹ thuật hình sự	
17	Nguyễn Minh Cường	1988	Kỹ thuật số - điện tử	Phòng Kỹ thuật hình sự	
18	Nguyễn Việt Hoàng	1997	Đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự	
19	Đinh Thị Mỹ Châu	1996	Đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự	
II	LĨNH VỰC PHÁP Y				
1	Đặng Quang Thạch	1964	Pháp y	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa	
2	Nguyễn Văn Tiến	1973	Pháp y	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa	
3	Đặng Hải	1973	Pháp y	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa	
4	Đinh Tuấn Anh	1978	Pháp y	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa	
5	Nguyễn Trí Hoàn	1975	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự	
6	Lê Doãn Thái	1992	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự	
7	Đặng Hữu Dũng	1996	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự	
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG				
1	Võ Đình Thi	1977	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Bùi Quang Thìn	1988	Thông tin và truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Nguyễn Tùng Linh	1976	Văn hóa	Hội Liên hiệp Văn học- Nghệ thuật tỉnh	
4	Phan Thanh Ngọc	1975	Văn hóa	Thanh tra tỉnh	
5	Nguyễn Tiến Dũng	1981	Thông tin và Truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Lê Văn Dũng	1978	Thông tin và Truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Đặng Văn Đức	1979	Thông tin và Truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	

8	Phạm Văn Báu	1966	Thông tin và Truyền thông	Đã nghỉ hưu	
IV	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG				
1	Lê Việt Anh	1978	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
2	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1982	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Nguyễn Hoài Nam	1983	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
4	Võ Văn Tùng	1974	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Trần Hữu Khanh	1971	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Dương Hồng Thái	1976	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Hà Thị Mỹ Dung	1980	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Lê Quốc Hùng	1980	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Lê Văn Phụ	1969	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
10	Lương Anh Tuấn	1982	Đo đạc và Bản đồ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Đinh Sỹ Tráng	1986	Khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
12	Nguyễn Ngọc Hoạch	1977	Đất đai	UBND xã Kỳ Văn	
13	Nguyễn Văn Thành	1964	Khoáng sản	Đã nghỉ hưu	
VI	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI				
1	Nguyễn Tiến Dũng	1974	Giao thông vận tải	Sở Xây dựng	
2	Nguyễn Cao Quý	1974	Giao thông vận tải	Sở Xây dựng	
3	Trần Thế Hùng	1978	Giao thông vận tải	Sở Xây dựng	

II. NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quyết định công bố	Nơi công tác	Ghi chú
I	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ				
1	Hồ Đức Đàn	1979	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
2	Nguyễn Ngọc Thành	1980	Số 2445/QĐ-BTP ngày 28/8/2012	Sở Tài chính	
3	Lê Thị Xuân Quỳnh	1974	Số 2454/QĐ-UBND ngày 22/8/2014	Sở Tài chính	
4	Phan Thị Hồng Trang	1973	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
5	Trần Thị Hải Tiến	1976	Số 2074/QĐ-UBND ngày 29/5/2015	Sở Tài chính	
6	Đoàn Thị Hoa Sen	1980	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
7	Nguyễn Thị Hồng Quang	1973	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
8	Nguyễn Thị Bích Thảo	1973	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
9	Trần Lê Na	1978	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
10	Phan Vũ Diễm Hằng	1981	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
11	Nguyễn Lê Hà	1986	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
12	Nguyễn Quốc Anh	1975	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
13	Bùi Thị Tố Na	1982	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Sở Tài chính	
14	Trần Thị Hà Quy	1988	Số 3285/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	Sở Tài chính	
15	Đoàn Thị Thủy	1987	Số 3285/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	Sở Tài chính	
16	Đinh Thị Tình	1985	Số 3285/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	Sở Tài chính	

17	Nguyễn Thị Thùy An	1986	Số 3285/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	Sở Tài chính	
18	Nguyễn Công Quân	1987	Số 3285/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	Sở Tài chính	
19	Nguyễn Hữu Minh	1986	Số 2672/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	Sở Tài chính	
20	Phan Công Phúc	1982	Số 1721/QĐ-UBND ngày 08/6/2020	Sở Tài chính	
21	Hà Huy Quyết	1982	Số 1721/QĐ-UBND ngày 08/6/2020	Sở Tài chính	
22	Nguyễn Văn Tuấn	1975	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	HĐND tỉnh	
23	Võ Anh Đức	1975	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Thanh tra tỉnh	
24	Lê Tiến Dũng	1983	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Thanh tra tỉnh	
25	Nguyễn Cao Cường	1985	Số 3285/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	Thanh tra tỉnh	
26	Nguyễn Trọng Đô	1985	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Trung tâm Dịch vụ tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh	
27	Phan Chí Hiếu	1975	Số 2445/QĐ-BTP ngày 28/8/2012	HĐND xã Nghi Xuân	
28	Trần Viết Sao	1974	Số 2454/QĐ-UBND ngày 22/8/2014	UBND xã Thạch Lạc	
29	Hồ Sỹ Hùng	1976	Số 1871/QĐ-UBND ngày 21/6/2018	UBND phường Vũng Áng	
30	Dương Văn Thành	1965	Số 2454/QĐ-UBND ngày 22/8/2014	Đã nghỉ hưu	
31	Trần Hậu Thụ	1963	Số 454/QĐ-UBND ngày 02/02/2015	Đã nghỉ hưu	
32	Phan Cao Oánh	1962	Số 454/QĐ-UBND ngày 02/02/2015	Đã nghỉ hưu	
33	Phạm Tất Thắng	1962	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Đã nghỉ hưu	
34	Lê Trung Phong	1964	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Đã nghỉ hưu	
35	Phan Đăng Tuấn	1966	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Đã nghỉ hưu	
36	Nguyễn Tiến Lộc	1961	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Đã nghỉ hưu	

37	Trần Sỹ Hiền	1961	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Đã nghỉ hưu	
38	Dương Đình Tuấn	1960	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Đã nghỉ hưu	
39	Nguyễn Thị Hường	1970	Số 201/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	Đã nghỉ hưu	
40	Nguyễn Thị Lan	1960	Số 2454/QĐ-UBND ngày 22 /8/2014	Đã nghỉ hưu	
41	Nguyễn Thị Kim Dung	1974	Số 3285/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	Đã nghỉ hưu	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG, XÂY DỰNG				
1	Nguyễn Khánh Trà	1983	Số 2445/QĐ-BTP ngày 28/8/2012	Sở Xây dựng	
2	Trần Đức Dũng	1970	Số 1720/QĐ-UBND ngày 08/6/2020	Sở Xây dựng	
3	Dương Thành Trung	1979	Số 370/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	Sở Xây dựng	
4	Trần Đình Huân	1981	Số 370/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh	
5	Lâm Bảo Hoàng	1984	Số 370/QĐ-UBND ngày 15/02/2023		
6	Lê Viết Hoàng	1982	Số 370/QĐ-UBND ngày 15/02/2023		
7	Nguyễn Khắc Hiếu	1992	Số 370/QĐ-UBND ngày 15/02/2023		
8	Nguyễn Đoàn Huy Hoàng	1994	Số 370/QĐ-UBND ngày 15/02/2023		
9	Nguyễn Thái Quỳnh	1984	Số 370/QĐ-UBND ngày 15/02/2023		
10	Nguyễn Văn Dũng	1983	Số 370/QĐ-UBND ngày 15/02/2023		
11	Lê Hữu Thọ	1981	Số 2445/QĐ-BTP ngày 28/8/2012	Đã chuyển công tác	
12	Lương Đình Sỹ	1980	Giao thông vận tải	UBND xã Sơn Giang	
13	Trần Hữu Thọ	1954	Giao thông vận tải	Đã nghỉ hưu	
V	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG				
1	Nguyễn Cự Duẩn	1971	Số 1646/QĐ-UBND ngày 29/5/2020	Chi cục kiểm lâm	

2	Phan Văn Quý	1982	Số 1646/QĐ-UBND ngày 29/5/2020	Chi cục thủy sản	
3	Hồ Thị Thủy	1976	Số 2333/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	
4	Mai Văn Tuyến	1981	Số 2333/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
5	Bùi Trường Giang	1985	Số 2333/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	Chi cục Thủy lợi	
6	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	1985	Số 2333/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	Chi cục Thủy lợi	
7	Nguyễn Thị Hoài Thúy	1978	Số 2333/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	Chi cục Thủy sản	
8	Nguyễn Việt Hùng	1969	Số 2333/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	Chi cục Thủy sản	
9	Nguyễn Hoài Nam	1986	Số 2333/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	Chi cục Chăn nuôi và thú y	
10	Phạm Thanh Biên	1986	Số 2333/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	Sở Khoa học và Công nghệ	
VI	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG				
1	Trần Văn Lâm	1976	Số 1185/QĐ-UBND ngày 10/4/2020	Sở Công thương	
2	Võ Hữu Nam	1984	Số 1722/QĐ-UBND ngày 08/6/2020	Sở Công thương	
3	Phan Mạnh Hùng	1982	Số 40/QĐ-UBND ngày 07/01/2025	Sở Công thương	
4	Nguyễn Thị Hà Trang	1987	Số 40/QĐ-UBND ngày 07/01/2025	Sở Công thương	
VII	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				
1	Biện Văn Sinh	1967	Số 3593/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Trần Hải Bình	1971	Số 3593/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Trương Khánh Tùng	1981	Số 3593/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	Sở Khoa học và Công nghệ	